

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-ST
Ngày: 22 - 9 - 2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng
2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095084009504, cấp ngày 12/5/2022

Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Ông Lư Trường L1, sinh năm 1982.
Số căn cước công dân: 095082009575, cấp ngày 16/9/2021

Nơi cư trú: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.
(vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095054002697, cấp ngày 02/7/2021

Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095080007075, cấp ngày 12/8/2021

2. Chị Quách Kiều T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095180004348, cấp ngày 12/8/2021

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Trần Thị Cẩm T2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095182010398, cấp ngày 20/8/2021

Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau.

4. Anh Trần Minh T3, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095086006299

Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau.

5. Chị Trần Thị Cẩm L2, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095189007396, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2023 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Minh L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lu Trường L1 trình bày: Cha mẹ ruột của anh Trần Minh L là ông Trần Việt H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (chết ngày 30/10/2018). Quá trình chung sống, ông H và bà D tạo lập được các phần đất sau: Diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau).

Ông Trần Việt H và bà Lê Thị D có tổng cộng 05 người con gồm Trần Minh L, Trần Văn T, Trần Thị Cẩm T2, Trần Minh T3, Trần Thị Cẩm L2. Ngoài ra, ông H và bà D không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ của bà D là cụ Lê Văn L3 (chết trước năm 1975) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 2016) đều đã chết trước bà D. Bà D không có cha mẹ nuôi. Khi bà D chết không để lại di chúc, gia đình ông H và các con chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Ông H là người trực tiếp tổ chức đám tang và cũng là người thờ cúng bà D. Khi bà D chết thì không thiếu nợ bất kỳ

cá nhân, tổ chức nào. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế của bà D không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào về tài sản đối với người khác. Hiện nay anh L đã giao cho ông Trần Việt H quản lý phần đất diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; Ông Trần Việt H đang cho anh Trần Văn T thuê canh tác các phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2023, anh L yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất diện tích 23.165,2m² (trong đó có 300m² đất ở, 1.911,4m² đất trồng cây lâu năm, 20.953,8m² đất trồng lúa) và 01 căn nhà cấp 4 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm ông H, anh L, anh T, chị T2, anh T3, chị L2.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/9/2024, anh Trần Minh L xin rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 1.558,2m² trong đó có 300m² tại thửa 140, 1.148,1m² tại thửa 14 và 113,6m² tại thửa 12, trên đất có căn nhà cấp 4, các công trình phụ khác gắn liền với đất và các cây trồng, anh L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà D để lại gồm diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D gồm: ông H, anh L, anh T, chị T2, anh T3, chị L2. Mặc dù anh L cũng là một trong các thành viên trong hộ của ông Trần Việt H vào thời điểm cấp giấy nhưng anh L không yêu cầu chia tài sản cho anh với tư cách là thành viên trong hộ. Anh L chỉ yêu cầu được nhận hiện vật tại thửa 277, tờ bản đồ số 01 có diện tích 6.998m², đồng ý hoàn trả lại giá trị kỷ phần nhận dư cho các đồng thừa kế khác theo quy định.

Ngày 01/8/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh L yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Trần Việt H ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D đối với các phần đất diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau). Còn lại ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Trần Việt H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Trần Minh L về việc ông Trần Việt H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (chết ngày 30/10/2018 có tổng cộng 05 người con gồm Trần Minh L, Trần Văn T, Trần Thị Cẩm T2, Trần Minh T3, Trần Thị Cẩm L2. Ngoài ra, ông H và bà D không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ của bà D là cụ Lê Văn L3 (chết trước năm 1975) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 2016) đều đã chết trước bà D. Bà D không có cha mẹ nuôi. Khi bà D chết không để lại di chúc, gia đình ông H và các con chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Ông H là người

trực tiếp tổ chức đám tang và cũng là người thờ cúng bà D. Khi bà D chết thì không thiếu nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế của bà D không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào về tài sản đối với người khác. Đối với phần đất anh L yêu cầu chia thừa kế thì hiện tại anh Trần Minh L đã giao cho ông quản lý phần đất diện tích 6.998m² thuộc thửa 277, ông đang cho anh Trần Văn T thuê canh tác toàn bộ phần đất yêu cầu chia thừa kế. Đối với giao dịch thuê đất giữa ông với anh T và chị T1 sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh L yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Lê Thị D để lại thì ông đề nghị Tòa án ghi nhận cho ông được quyền hưởng 50% số tài sản chung, còn lại 50% của bà D sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật. Yêu cầu Tòa án ghi nhận cho ông được hưởng phần công sức thờ cúng người chết. Ông yêu cầu được nhận tất cả các phần đất và đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác. Mặc dù ông cũng là một trong các thành viên trong hộ vào thời điểm cấp giấy nhưng ông không yêu cầu chia tài sản cho ông với tư cách là thành viên trong hộ trước khi yêu cầu chia thừa kế. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 1.558,2m² (trong đó có 300m² tại thửa 140, 1.148,1m² tại thửa 14 và 113,6m² tại thửa 12) trên đất có căn nhà cấp 4, các công trình phụ khác gắn liền với đất và các cây trồng thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T trình bày: Thông nhất với lời trình bày của anh Trần Minh L về việc ông Trần Việt H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (chết ngày 30/10/2018 có tổng cộng 05 người con gồm Trần Minh L, Trần Văn T, Trần Thị Cẩm T2, Trần Minh T3, Trần Thị Cẩm L2. Ngoài ra, ông H và bà D không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ của bà D là cụ Lê Văn L3 (chết trước năm 1975) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 2016) đều đã chết trước bà D. Bà D không có cha mẹ nuôi. Khi bà D chết không để lại di chúc, gia đình ông H và các con chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Ông H là người trực tiếp tổ chức đám tang và cũng là người thờ cúng bà D. Khi bà D chết thì không thiếu nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế của bà D không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào về tài sản đối với người khác. Đối với phần đất anh L yêu cầu chia thừa kế thì hiện tại ông Trần Việt H đang cho anh thuê canh tác. Đối với giao dịch thuê đất giữa anh và anh Trần Minh L và ông H thì anh và anh L, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao trả lại đất để Tòa án giải quyết yêu cầu chia thừa kế. Nay anh L yêu cầu công nhận cho ông Trần Việt H ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D đối với các phần đất diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau). Còn lại ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật thì anh đồng ý và yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là đất, tuy nhiên anh đồng ý để lại kỷ phần này cho ông

Trần Việt H. Mặc dù anh cũng là một trong các thành viên trong hộ của ông Trần Việt H vào thời điểm cấp giấy nhưng anh không yêu cầu chia tài sản cho anh với tư cách là thành viên trong hộ. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 1.558,2m² (trong đó có 300m² tại thửa 140, 1.148,1m² tại thửa 14 và 113,6m² tại thửa 12) trên đất có căn nhà cấp 4, các công trình phụ khác gắn liền với đất và các cây trồng thì anh đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quách Kiều T1 trình bày: Chị và anh Trần Văn T đang canh tác các phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế do thỏa thuận nhận thuê đất từ ông Trần Việt H. Tuy nhiên, giữa chị và anh T với ông H sẽ tự thỏa thuận về tiền thuê đất, không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Chị và anh T đồng ý giao trả đất để Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm T2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Trần Minh L về việc ông Trần Việt H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (chết ngày 30/10/2018) có tổng cộng 05 người con gồm Trần Minh L, Trần Văn T, Trần Thị Cẩm T2, Trần Minh T3, Trần Thị Cẩm L2. Ngoài ra, ông H và bà D không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ của bà D là cụ Lê Văn L3 (chết trước năm 1975) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 2016) đều đã chết trước bà D. Bà D không có cha mẹ nuôi. Khi bà D chết không để lại di chúc, gia đình ông H và các con chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Ông H là người trực tiếp tổ chức đám tang và cũng là người thờ cúng bà D. Khi bà D chết thì không thiếu nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế của bà D không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào về tài sản đối với người khác. Đối với phần đất anh L yêu cầu chia thừa kế thì hiện tại ông Trần Việt H đang cho anh Trần Văn T thuê canh tác. Nay anh L yêu cầu công nhận cho ông Trần Việt H ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D đối với các phần đất diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau). Còn lại ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật thì chị đồng ý và yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là đất, tuy nhiên chị đồng ý để lại kỷ phần này cho ông Trần Việt H. Mặc dù chị cũng là một trong các thành viên trong hộ của ông Trần Việt H vào thời điểm cấp giấy nhưng chị không yêu cầu chia tài sản cho chị với tư cách là thành viên trong hộ. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 1.558,2m² (trong đó có 300m² tại thửa 140, 1.148,1m² tại thửa 14 và 113,6m² tại thửa 12) trên đất có căn nhà cấp 4, các công trình phụ khác gắn liền với đất và các cây trồng thì chị đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm L2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Trần Minh L về việc ông Trần Việt H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (chết ngày 30/10/2018) có tổng cộng 05 người con

gồm Trần Minh L, Trần Văn T, Trần Thị Cẩm T2, Trần Minh T3, Trần Thị Cẩm L2. Ngoài ra, ông H và bà D không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ của bà D là cụ Lê Văn L3 (chết trước năm 1975) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 2016) đều đã chết trước bà D. Bà D không có cha mẹ nuôi. Khi bà D chết không để lại di chúc, gia đình ông H và các con chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Ông H là người trực tiếp tổ chức đám tang và cũng là người thờ cúng bà D. Khi bà D chết thì không thiếu nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế của bà D không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào về tài sản đối với người khác. Đối với phần đất anh L yêu cầu chia thừa kế thì hiện tại ông Trần Việt H đang cho anh Trần Văn T thuê canh tác. Nay anh L yêu cầu công nhận cho ông Trần Việt H $\frac{1}{2}$ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D đối với các phần đất diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau). Còn lại $\frac{1}{2}$ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật thì chị đồng ý và yêu cầu được nhận 01 kỷ phần là đất, tuy nhiên chị đồng ý để lại kỷ phần này cho ông Trần Việt H. Mặc dù chị cũng là một trong các thành viên trong hộ của ông Trần Việt H vào thời điểm cấp giấy nhưng chị không yêu cầu chia tài sản cho chị với tư cách là thành viên trong hộ. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 1.558,2m² (trong đó có 300m² tại thửa 140, 1.148,1m² tại thửa 14 và 113,6m² tại thửa 12) trên đất có căn nhà cấp 4, các công trình phụ khác gắn liền với đất và các cây trồng thì chị đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T3: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T3 nhưng anh T3 không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T3 chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Trần Minh L. Ông Trần Việt H được quyền sử dụng và sở hữu tổng diện tích đất 16.167,2m² (thuộc thửa 744, 745, 250, 263, 268, 276, 295 cùng tờ bản đồ số 1), đất tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), tổng tài sản được hưởng có giá trị 1.225.617.955 đồng. Anh Trần Minh L được quyền

sử dụng và sở hữu phần đất diện tích 6.998m² thuộc thửa 277, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), tài sản được nhận có giá trị 431.975.308 đồng. Buộc anh Trần Minh L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị thừa kế cho ông H số tiền 227.696.650 đồng, hoàn lại cho anh Trần Minh T3 số tiền 102.139.329 đồng. Anh Trần Minh T3 được hưởng số tiền 102.139.329 đồng. Ông H, anh L có quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai biên động, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được hưởng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh L đối với yêu cầu chia thừa kế căn nhà cấp 4, các công trình, cây trồng trên đất và phần đất diện tích 1.558,2m². Đối với các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chi phí tố tụng và án phí, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Minh L khởi kiện ông Trần Việt H yêu cầu chia thừa kế nên quan hệ pháp luật là tranh chấp chia thừa kế tài sản theo quy định khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi khởi kiện ông Trần Việt H cư trú tại ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Minh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông Lư Trường L1, ông Trần Việt H, anh Trần Văn T, chị Quách Kiều T1, chị Trần Thị Cẩm T2, chị Trần Thị Cẩm L2 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Trần Minh T3, ông Lư Trường L1, ông Trần Việt H, anh Trần Văn T, chị Quách Kiều T1, chị Trần Thị Cẩm T2, chị Trần Thị Cẩm L2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1.558,2m² (trong đó có 300m² tại thửa 140, 1.148,1m² tại thửa 14 và 113,6m² tại thửa 12) trên đất có căn nhà cấp 4, các công trình phụ khác gắn liền với đất và các cây trồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút nêu trên.

[2.2] Nguyên đơn anh Trần Minh L yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Trần Việt H ½ tài sản chung của ông Trần Việt H và bà Lê Thị D đối với các phần đất diện tích 4.745,5m² thuộc thửa 250, diện tích 3.284,8m² thuộc thửa 263, diện tích 3.794 m² thuộc thửa 268; diện tích 830,3m² thuộc thửa 276; diện tích 6.998m² thuộc thửa 277; diện tích 1.301,2m² thuộc thửa 295; diện tích 1.911,4m² thuộc thửa 744; diện tích 300m² thuộc thửa 745, cùng tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau). Còn lại ½ tài sản chung của ông Trần

Việt H và bà Lê Thị D sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà D theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2.3] Anh Trần Minh L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Lê Thị D chết để lại, không có di chúc. Tại trích lục khai tử xác định bà Lê Thị D chết ngày 30/10/2018. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự, anh Trần Minh L yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lê Thị D vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.4] Về hàng thừa kế: Theo sự thống nhất của các đương sự xác định cha bà D tên Lê Văn L3 chết trước năm 1975 và mẹ bà D tên Nguyễn Thị Đ chết năm 2016. Bà D không có cha mẹ nuôi. Ông H và bà D là vợ chồng chung sống từ năm 1978. Ông H và bà D có tất cả 05 người con gồm: 1. Trần Minh L, 2. Trần Văn T, 3. Trần Thị Cẩm T2, 4. Trần Thị Cẩm L2, 5. Trần Minh T3. Ngoài ra, bà D không có con nuôi, con riêng nào khác. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà D có 06 người gồm: ông H, anh L, anh T, chị T2, anh T3 và chị L2.

[2.5] Xét di sản thừa kế: Các bên đương sự thống nhất xác định, trong quá trình chung sống, ông H và bà D đã tạo lập 09 phần đất trong đó các đương sự thống nhất yêu cầu chia thừa kế 08 phần đất được cơ quan có thẩm quyền cấp 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Trần Việt H và bà Lê Thị D đứng tên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

[2.5.1] Về quyền sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất: Căn cứ biên bản định giá ngày 28/5/2025:

- Thửa 250, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.745,5m² có giá trị 292.932.098 đồng;
- Thửa 263, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.284,8m² có giá trị 202.765.432 đồng;
- Thửa 268, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.794 m² có giá trị 234.197.530 đồng;
- Thửa 276, tờ bản đồ số 1, diện tích 830,3m² có giá trị 51.253.086 đồng;
- Thửa 277, tờ bản đồ số 1, diện tích 6.998m² có giá trị 431.975.308 đồng;
- Thửa 295, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.301,2m² có giá trị 80.320.987 đồng;
- Thửa 744, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.911,4m² có giá trị 117.987.654 đồng;
- Thửa 745, tờ bản đồ số 1, diện tích 300m² có giá trị 18.518.518 đồng.

Tổng giá trị: 1.429.950.613 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, chị Trần Thị Cẩm T2, chị Trần Thị Cẩm L2 thống nhất với giá do Hội đồng định giá đưa ra.

[2.5.2] Như vậy, có căn cứ xác định toàn bộ phần đất tranh chấp diện tích 23.165,2 m² (trong đó có 300m² đất ở; 1.911,4m² đất trồng cây lâu năm; 20.953.8 m²

đất trồng lúa) là tài sản chung của ông H và bà D nên ông H được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung này, còn lại $\frac{1}{2}$ tài sản là di sản của bà D, cụ thể giá trị tài sản ông H được nhận là 1.429.950.613 đồng : 2 = 714.975.307 đồng và giá trị di sản bà D là 714.975.306 đồng. Đồng thời, các đương sự đều thống nhất bà D chết không để lại di chúc nên đối với di sản của bà D sẽ được chia thừa kế theo quy định pháp luật, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D sẽ được hưởng kỷ phần theo quy định. Tuy nhiên, các đồng thừa kế của bà D đều xác định hiện nay ông H là người thờ cúng bà D. Xét thấy, cần chia ông H 01 kỷ phần đối với di sản của bà D để lại cho ông H để ông H thờ cúng bà D. Như vậy, di sản của bà D để lại chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D; đồng thời ông H được nhận thêm 01 kỷ phần thờ cúng nên tổng kỷ phần được chia là 07 kỷ phần đối với $\frac{1}{2}$ tổng giá trị các tài sản. Kỷ phần của bà D được chia gồm 7 phần, cụ thể mỗi kỷ phần có giá trị: 714.975.306 đồng : 7 = 102.139.329 đồng.

[2.5.3] Mặt khác, anh T, chị T2, chị L2 tự nguyện giao kỷ phần thừa kế của mình cho ông H. Ông H được nhận một kỷ phần thừa kế, hưởng 01 kỷ phần công sức thờ cúng và 03 kỷ phần của anh T, chị T2, chị L2. Tổng cộng ông H được nhận 05 kỷ phần, anh L và anh T3 mỗi người được nhận 01 kỷ phần.

[2.5.4] Xét về yêu cầu nhận hiện vật: Anh Trần Minh L yêu cầu nhận hiện vật là phần đất diện tích 6.998m², đồng ý hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác. Bị đơn ông Trần Việt H đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được nhận các phần đất còn lại, riêng anh Trần Minh T3 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Các đồng thừa kế anh T, chị T2, chị L2 cũng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý giao kỷ phần thừa kế của mình cho ông H được hưởng. Các đương sự đều thừa nhận đã giao toàn bộ tài sản cho ông H quản lý, sử dụng. Do đó, cần buộc ông H giao phần đất diện tích 6.998m² cho anh L được quyền sử dụng, anh L có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của bà D.

[3] Ông H cho anh T thuê 05 thửa đất (thửa 250, 263, 268, 276, 277, 295, 744, 745) với giá 2.000.000 đồng/công/năm, hiện tại chưa hết thời hạn thuê, các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh L, chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp tổng số tiền 18.456.035 đồng, nguyên đơn anh Trần Minh L tự nguyện chịu toàn bộ và anh L đã dự nộp xong.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do ông Trần Việt H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông Trần Việt H.

Anh Trần Minh L được nhận di sản thừa kế số tiền 102.139.329 đồng x 5% nên án phí anh L phải chịu 5.106.966 đồng (làm tròn 5.106.900 đồng).

Anh Trần Minh T3 được nhận di sản thừa kế số tiền 102.139.329 đồng x 5% nên án phí anh T3 phải chịu 5.106.966 đồng (làm tròn 5.106.900 đồng).

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 157, 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh L đối với ông Trần Việt H về yêu cầu chia thừa kế.

1.1. Chia cho anh Trần Minh L được toàn quyền sử dụng và sở hữu phần đất diện tích 6.998,0m² thuộc thửa 277, cùng tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 295) có số đo 39,5m;

Hướng Tây giáp kênh thủy lợi có số đo 86,4 m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Thành L4 và ông Võ Văn C có số đo 7,0m; 50,6m; 36,4m; 57,2m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ú có số đo 26,7m, giáp phần đất của ông Nguyễn Văn N và ông Lê Văn T4 có số đo 42,2m; 34,0m; 63,5m.

Buộc ông Trần Việt H, ông Trần Văn T và bà Quách Kiều T1 giao trả phần đất có vị trí, số đo, diện tích nêu trên cho anh Trần Minh L. Anh Trần Minh L được quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

1.2. Chia cho ông Trần Việt H được toàn quyền sử dụng và sở hữu các phần đất sau:

1.2.1. Phần diện tích 4.745,5 m² thuộc thửa 250, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi có số đo 62,6m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Huỳnh Văn T5 và ông Nguyễn Văn N1 có số đo 28,4m; 11,8m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 744, 268) có số đo 57,9m; 76,3m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ú có số đo 91,8 m.

1.2.2. Phần diện tích 3.284,8 m² thuộc thửa 263, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi có số đo 45,5m;

Hướng Tây giáp kênh thủy lợi có số đo 62,1m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 276) có số đo 46,6m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ú có số đo 105,9 m.

1.2.3. Phần diện tích 3.794,0 m² thuộc thửa 268, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi có số đo 57,9m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 744) có số đo 40,8m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Lê Văn T4 có số đo 13,1m; giáp phần đất của ông Ngô Văn C1 có số đo 53,9m; giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T6 có số đo 47,3m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 250) có số đo 76,3m.

1.2.4. Phần diện tích 830,3 m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của kênh thủy lợi có số đo 36,8m;

Hướng Tây giáp kênh thủy lợi có số đo 51,6m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 263) có số đo 46,6 m.

1.2.5. Phần diện tích 1.301,2 m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Thành L4 có số đo 39,3m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 277) có số đo 39,5m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Thành L4 có số đo 33,5m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Văn T4 có số đo 33 m.

1.2.6. Phần diện tích 1.911,4 m² thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 268) có số đo 40,8m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn Q, ông Trần Việt H (thửa 745) có số đo 14m; 14,5m; 15,4m.

Hướng Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T6 và ông Nguyễn Văn Ú có số đo 8,5m; 19,4m; 1,4m; giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 745) có số đo 20,4m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 250) có số đo 57,9m.

1.2.7. Phần diện tích 300 m² thuộc thửa 745, tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 744) có số đo 15,4m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 12, tờ bản đồ số 3) có số đo 15,4m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ú có số đo 19,9m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Việt H (thửa 744) có số đo 20,4m.

Buộc ông Trần Văn T, bà Quách Kiều T1 phải giao các phần đất có vị trí, số đo, diện tích nêu tại mục 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3, 1.2.4, 1.2.5, 1.2.6, 1.2.7 cho ông Trần Việt H.

Ông Trần Việt H được quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với các phần đất được giao nêu trên.

(Có bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

1.3. Chia cho anh Trần Minh T3 một kỳ phần thừa kế bằng số tiền 102.139.329 đồng.

1.5. Buộc anh Trần Minh L phải hoàn trả lại giá trị đất chênh lệch được nhận cho anh Trần Minh T3 với số tiền 102.139.329 đồng, ông Trần Việt H với số tiền 227.696.650 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế căn nhà cấp 4, các công trình, cây trồng trên đất và phần đất diện tích 1.558,2m².

3. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp tổng số tiền 18.456,035 đồng, nguyên đơn anh Trần Minh L tự nguyện chịu toàn bộ và anh L đã dự nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Minh L phải chịu án phí số tiền 5.106.900 đồng. Anh Trần Minh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.188.000 đồng theo Biên lai số 0006522 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được đối trừ, anh Trần Minh L còn phải nộp số tiền án phí là 1.918.900 đồng. Do ông Trần Việt H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông H. Anh Trần Minh T3 phải chịu số tiền án phí là 5.106.900 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Đào